

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình

Ngày 31/12/2025	41,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-4.3%	16.6%

DT thuần Q4/25
58.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.70 -5.9%
YoY: ▲ 1.10 2.0%

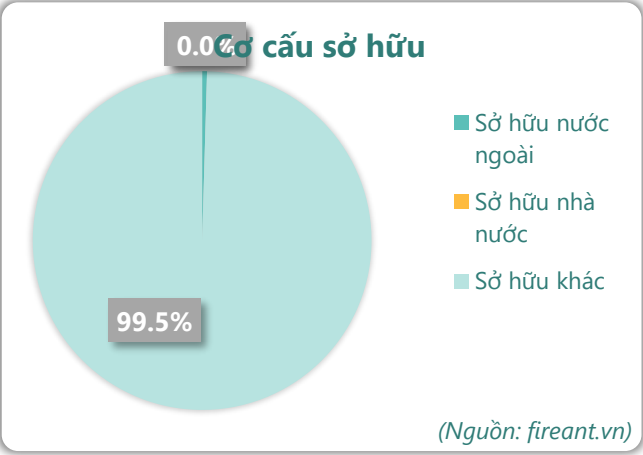
LN thuần Q4/25
35.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.10 24.6%
YoY: ▲ 4.20 13.2%

LN sau thuế Q4/25
30.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.70 46.8%
YoY: ▲ 3.30 12.3%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
57.1%
YoY: +/-▼ 2.0%

ROE 2025
14.0%
YoY: +/-▲ 1.1%

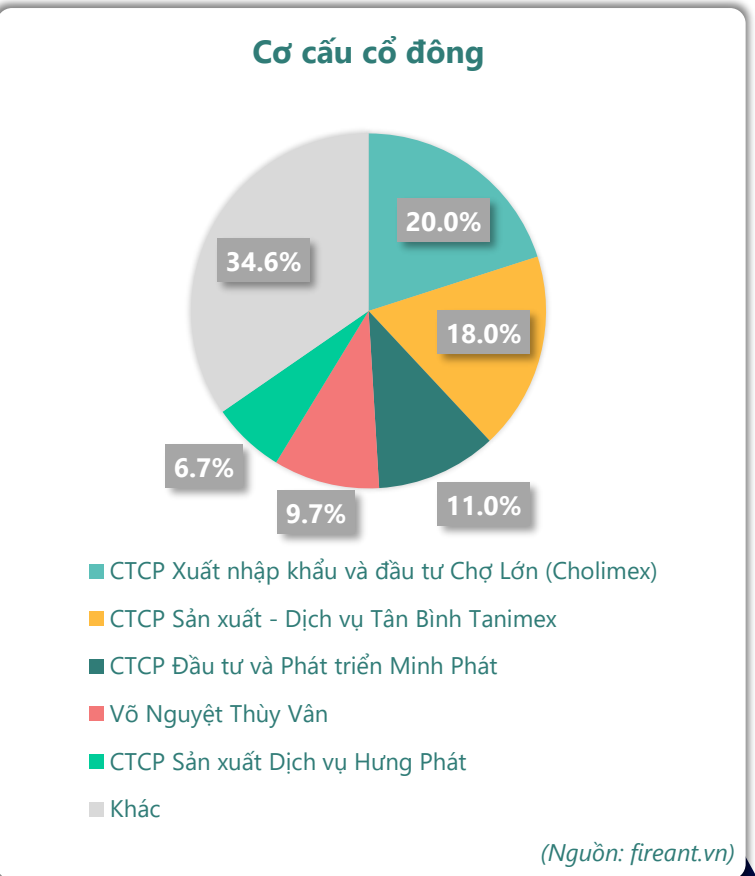
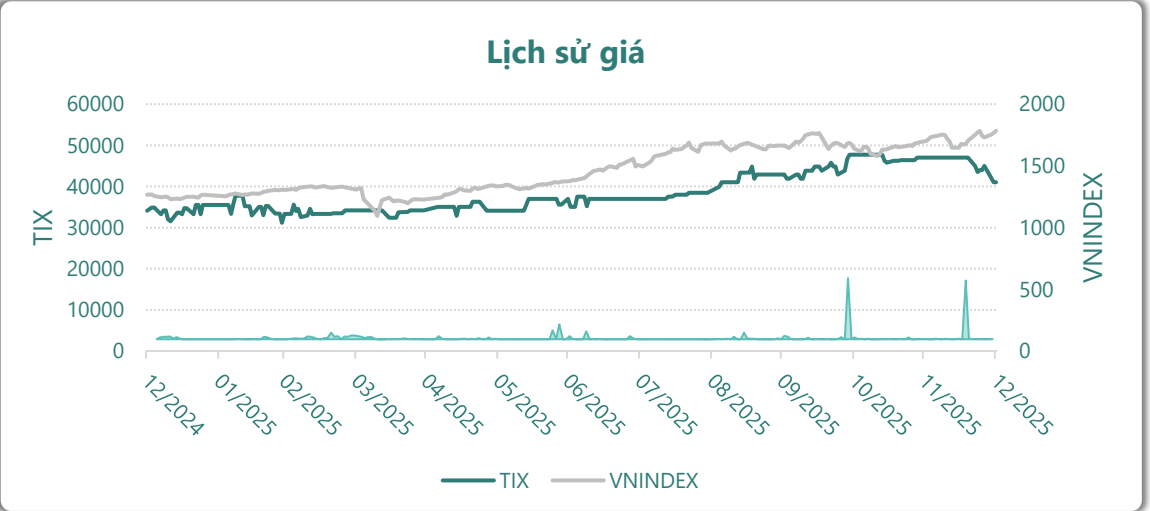
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	31,145 - 47,713
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,230
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,060
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	(0.01)
EPS	3,909
P/E	10.5



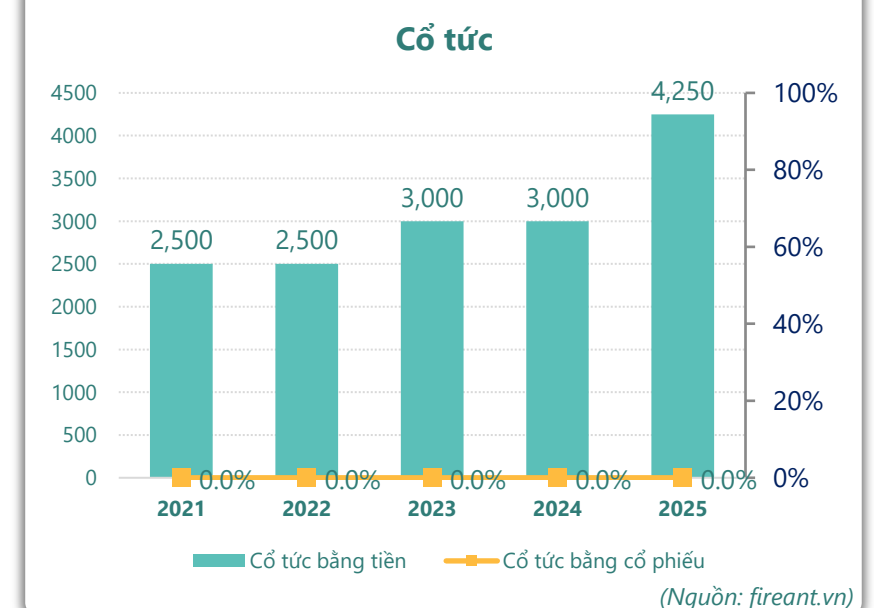
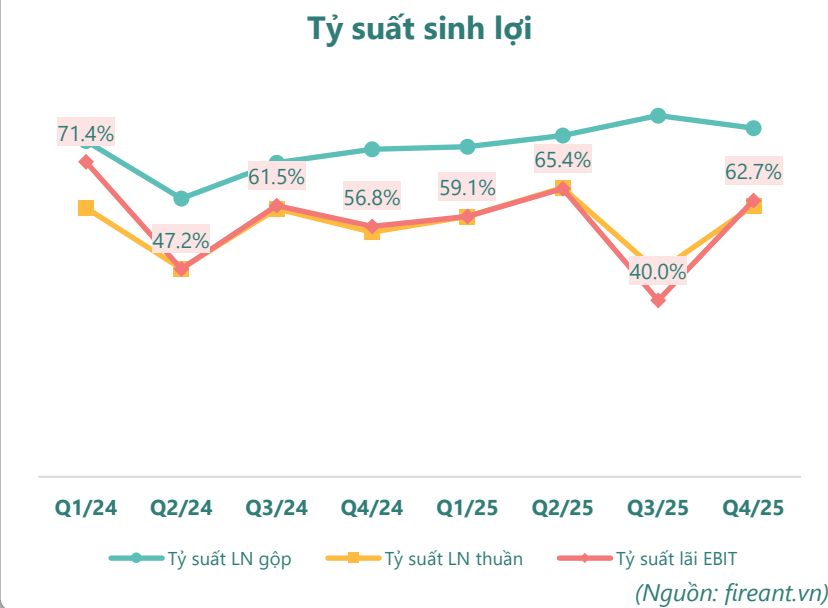
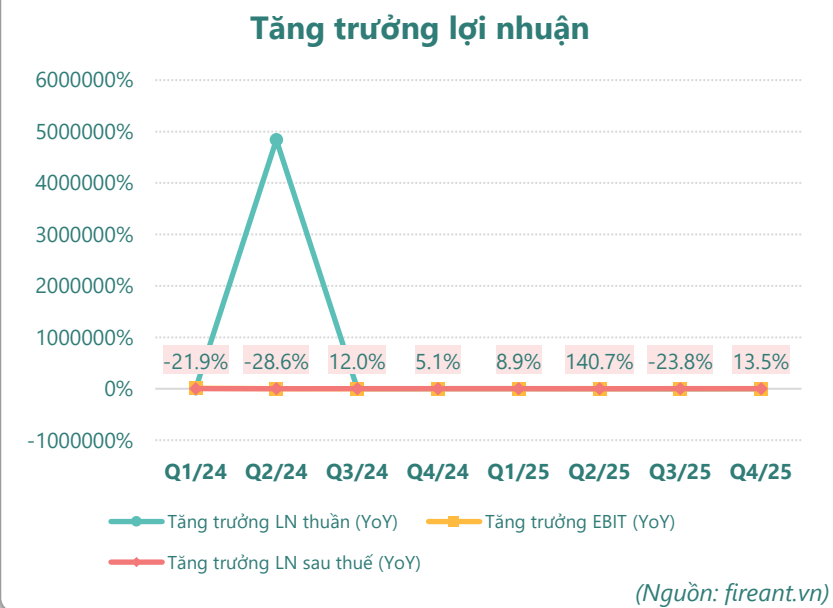
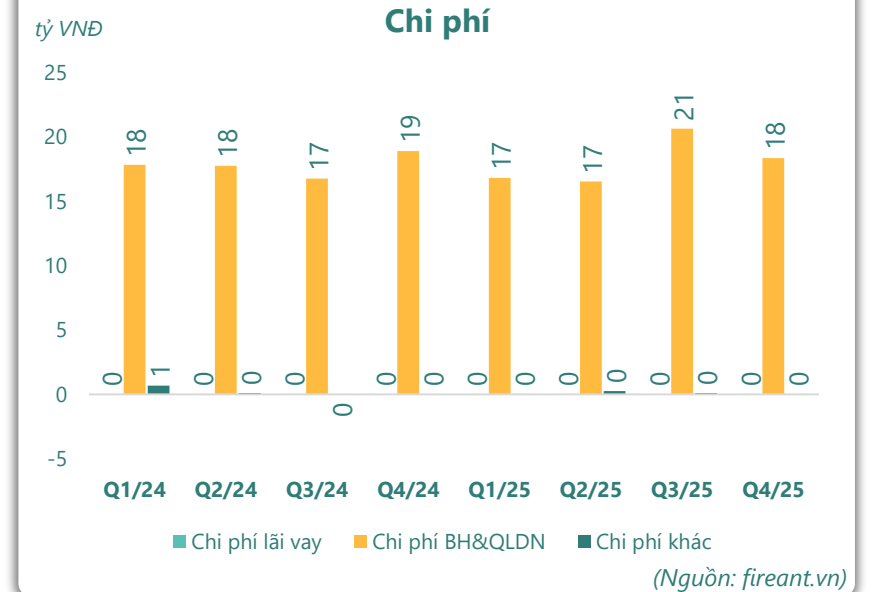
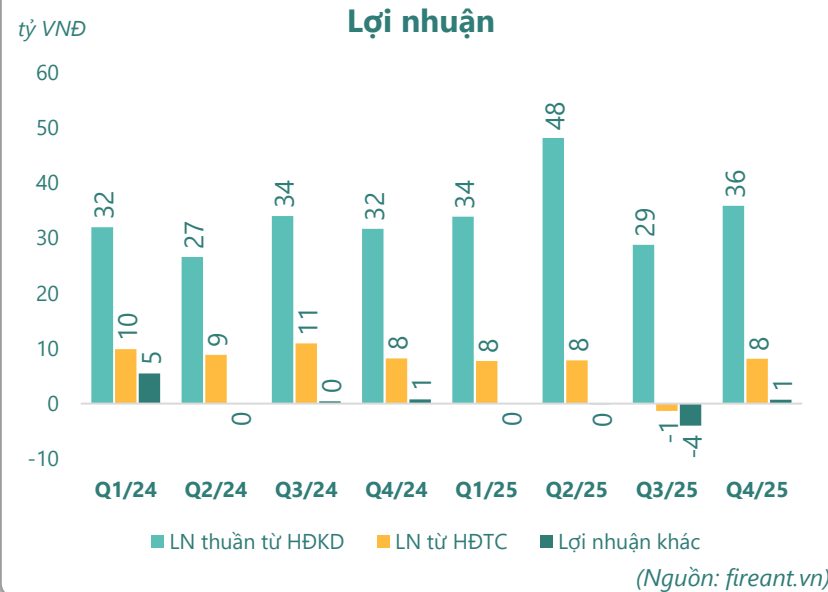
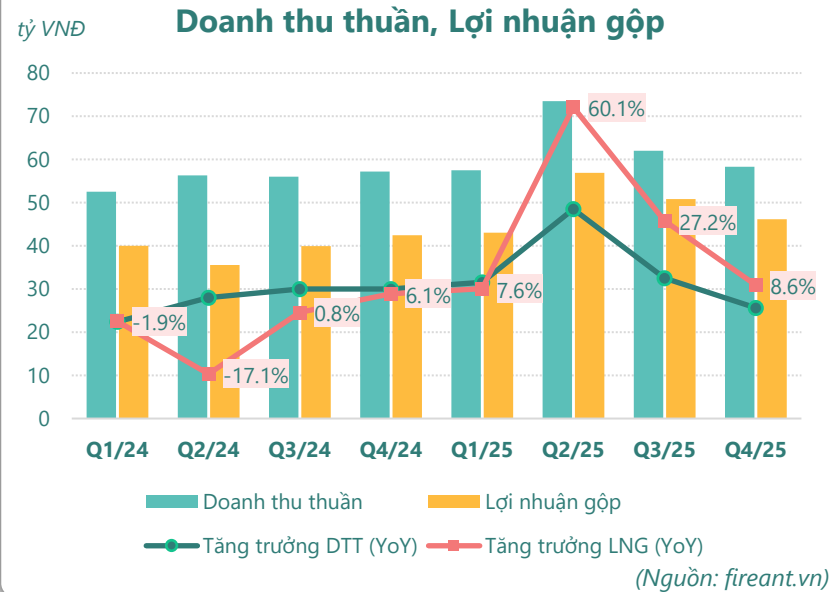
DT thuần 2025
251
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0 13.2%

LN thuần 2025
147
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0 18.0%

LN sau thuế 2025
117
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0 9.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH



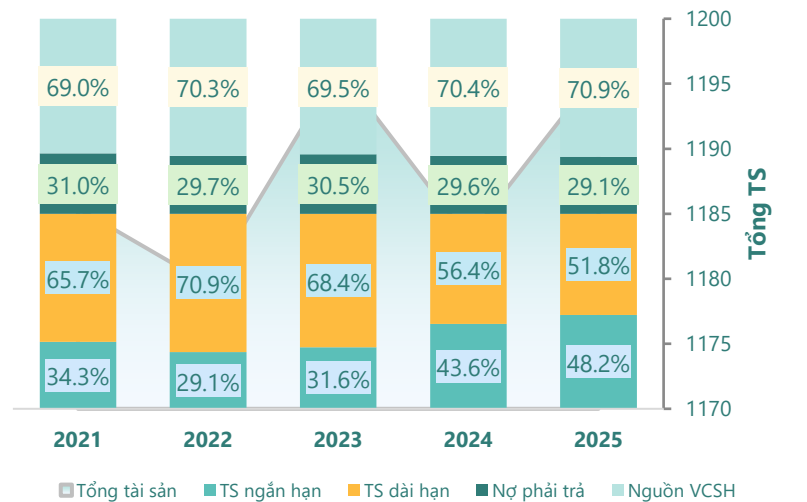


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

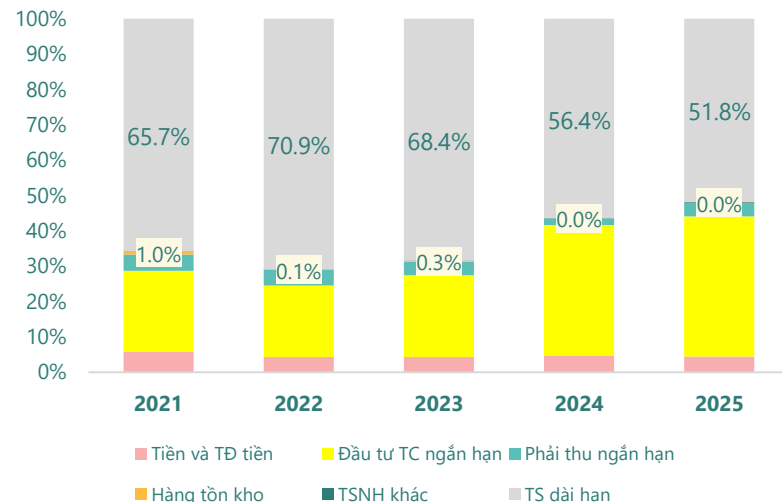
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

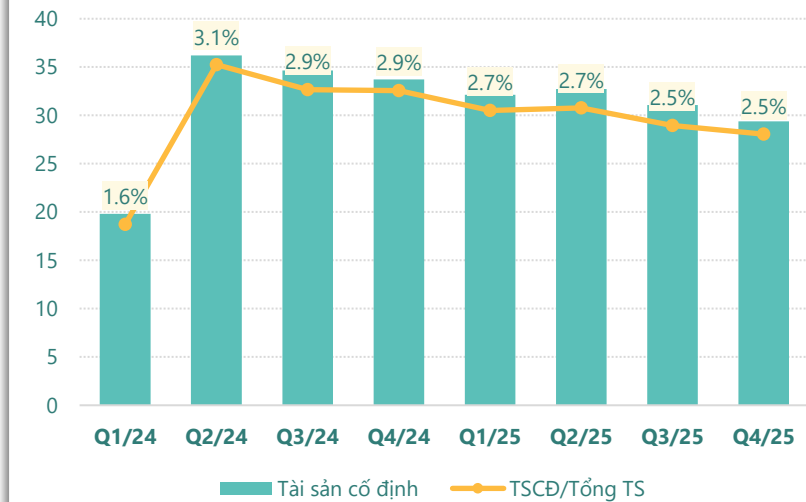
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

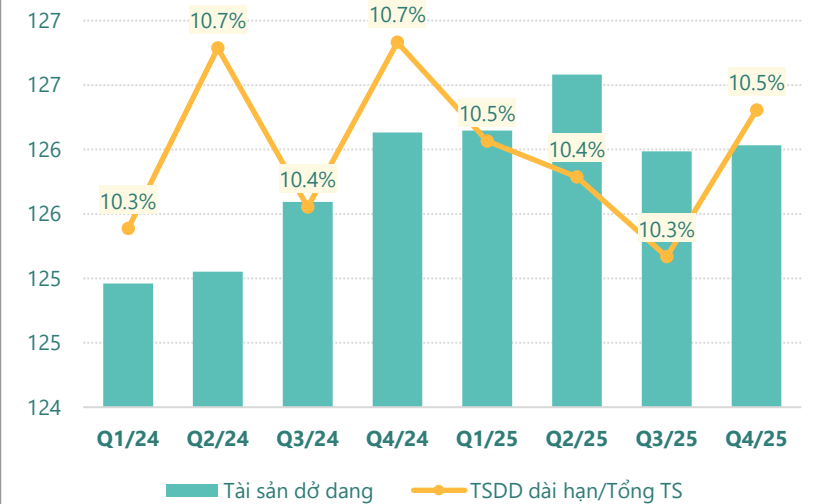
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

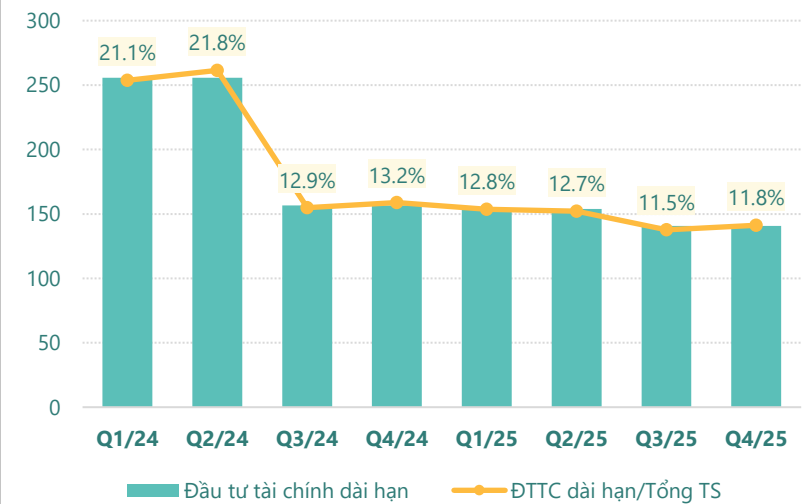
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

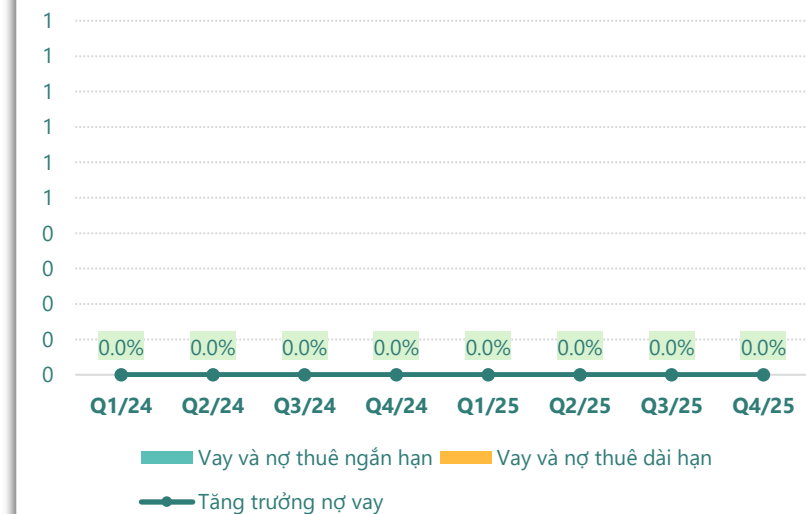
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

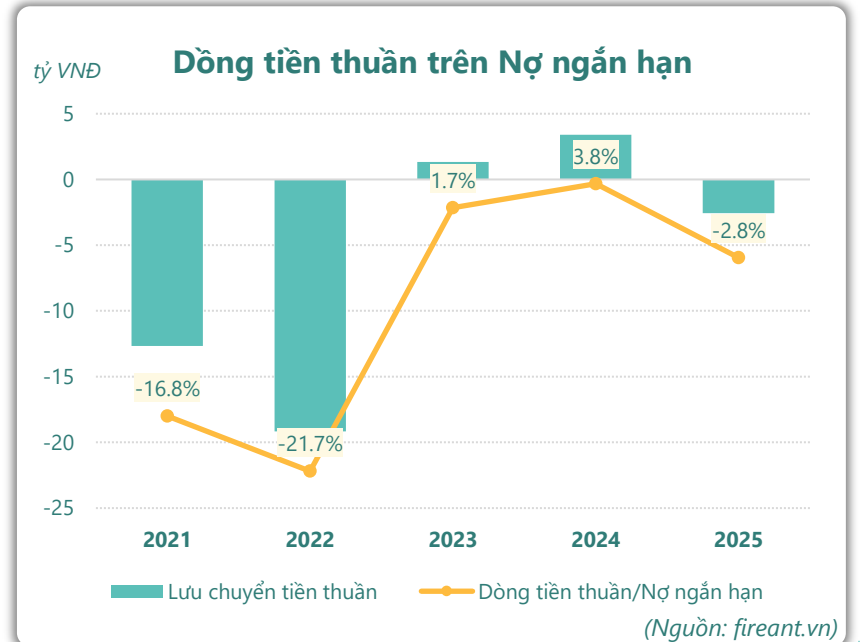
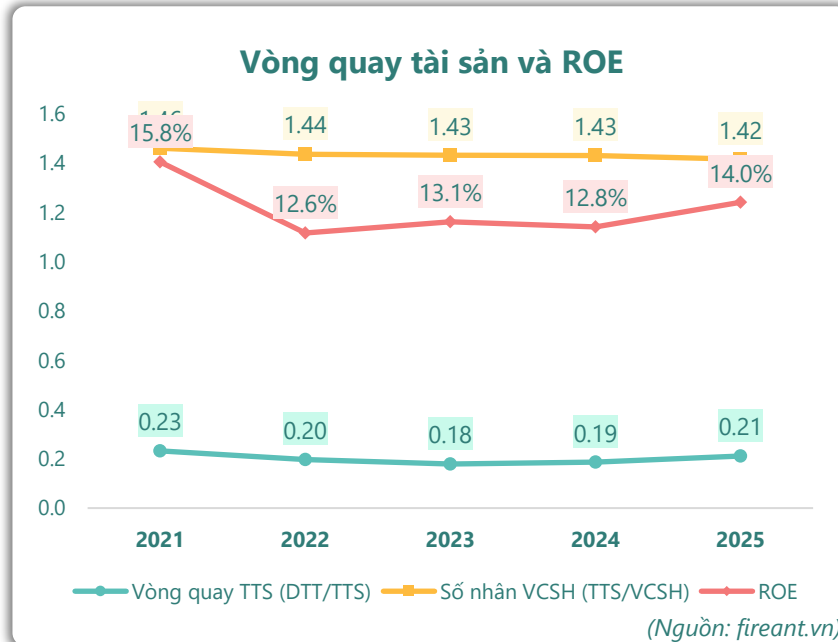
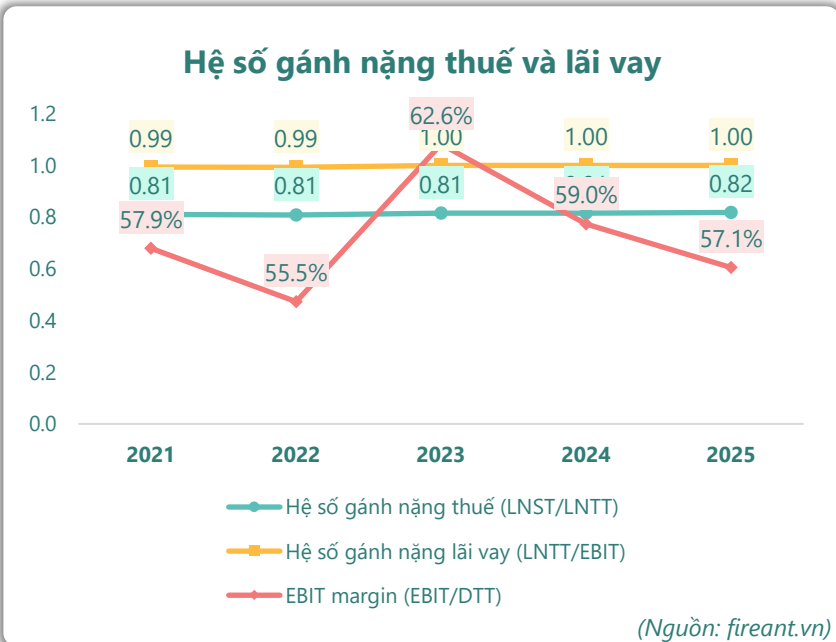
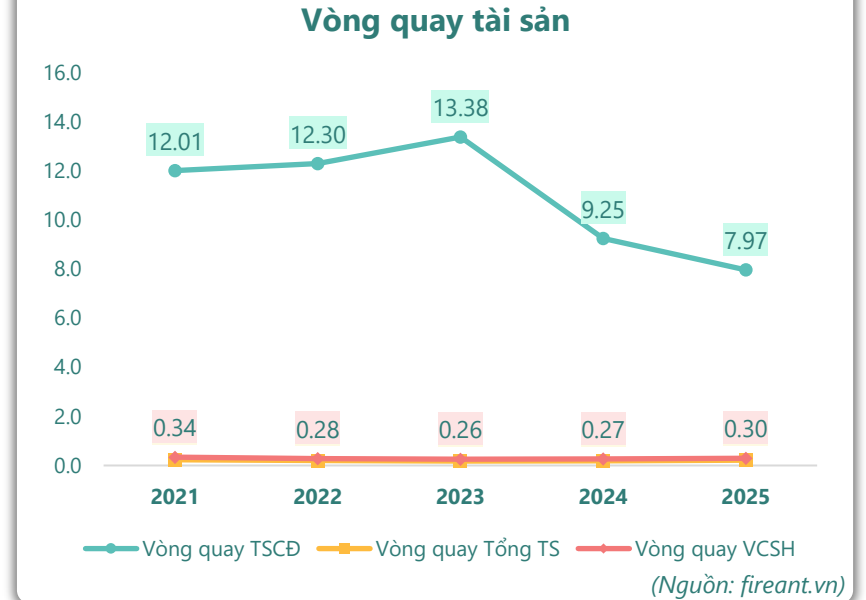
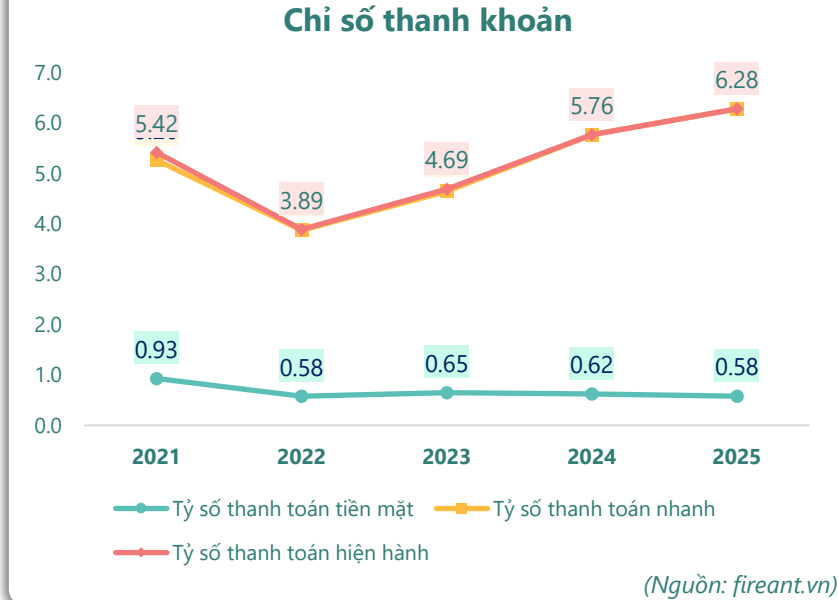
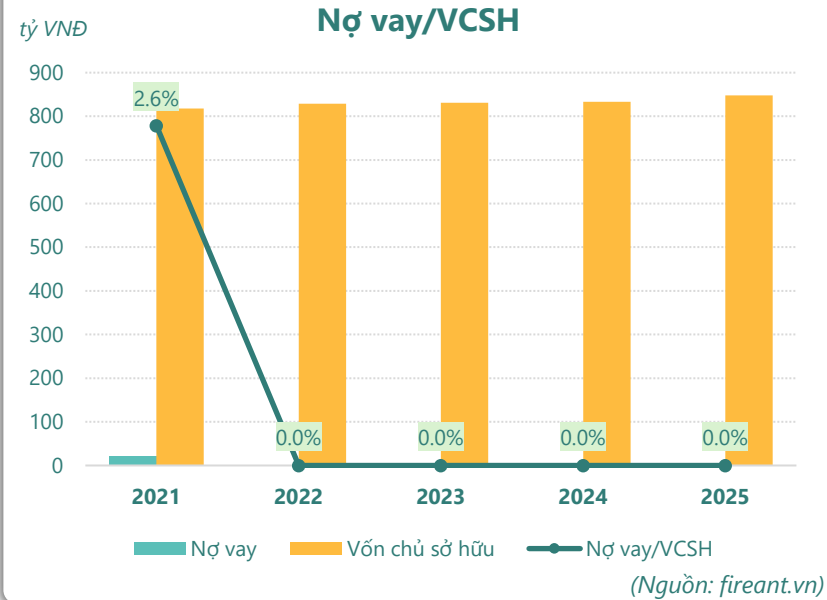
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	58.3	57.2	2.0%	251	222	13.2%
Giá vốn hàng bán	12.2	14.7	-17.0%	54.4	64.1	-15.0%
Lợi nhuận gộp	46.1	42.5	8.5%	197	158	24.6%
Doanh thu HĐTC	8.16	8.17	-0.2%	33.6	39.9	-15.8%
Chi phí TC	0.00	-0.03	101%	11.2	2.08	437%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	11.1	11.8	-6.3%	46.1	43.7	5.5%
Chi phí QLDN	7.33	7.16	2.4%	26.4	27.7	-4.8%
LN thuần từ HĐKD	35.9	31.7	13.2%	147	124	18.0%
Lợi nhuận khác	0.68	0.76	-10.2%	-3.46	6.61	-152%
LN trước thuế	36.6	32.5	12.5%	143	131	9.4%
Lợi nhuận sau thuế	30.5	27.2	12.3%	117	107	9.8%
LNST của CĐ cty mẹ	30.5	27.2	12.3%	117	107	9.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.3	25.9	20.9	50.6	27.8	11.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.6	19.7	-5.41	-16.0	-21.0	18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.14	-37.3	-0.05	-52.3	-0.15	-37.3
Tiền đầu kỳ	42.8	47.4	55.7	71.2	53.5	60.2
Lưu chuyển tiền thuần	4.62	8.29	15.4	-17.6	6.68	-7.03
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	47.4	55.7	71.2	53.5	60.2	53.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,196	1,183	1.1%
Tài sản ngắn hạn	576	516	11.7%
Tiền và tương đương tiền	53.2	55.7	-4.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	474	437	8.5%
Phải thu ngắn hạn	45.8	23.0	98.8%
Hàng tồn kho	0.27	0	
Tài sản ngắn hạn khác	2.84	0.11	2372%
Tài sản dài hạn	620	668	-7.1%
Phải thu dài hạn	16.0	7.28	119%
Tài sản cố định	29.4	33.7	-12.9%
Bất động sản đầu tư	143	176	-18.7%
Tài sản dở dang	126	126	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	141	156	-10.1%
Tài sản dài hạn khác	165	168	-1.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	348	350	-0.6%
Nợ ngắn hạn	91.7	89.4	2.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.13	2.69	-20.9%
Nợ dài hạn	256	261	-1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	848	833	1.8%
Vốn chủ sở hữu	848	833	1.8%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

